

Số: 3243 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 16 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án: Đầu tư tuyến đường kết nối từ ĐT.295 đến QL.37,
huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường gom bên phải cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn từ cầu vượt ĐT.295 đến nút giao QL.37 huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh tại Tờ trình số 96/TTr-BQLDA ngày 11/11/2022; Báo cáo thẩm định số 1793/SGTVT-QLCL ngày 14/11/2022 và Tờ trình số 67/TTr-SGTVT ngày 14/11/2022 của Sở Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đầu tư tuyến đường kết nối từ ĐT.295 đến QL.37, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đầu tư tuyến đường kết nối từ ĐT.295 đến QL.37, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

3. Chủ đầu tư: Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

4.1. Mục tiêu đầu tư

Đầu tư tuyến đường kết nối từ ĐT.295 đến QL.37, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang nhằm từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị theo quy hoạch để phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường tính kết nối, tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp Tân Hưng, từng bước hoàn thiện quy hoạch khu dân cư, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện Lạng Giang và của tỉnh; đồng thời phù hợp với định hướng phát triển giao thông của tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp thiết kế

4.2.1. Quy mô đầu tư xây dựng

Xây dựng tuyến đường kết nối từ ĐT.295 đến QL.37, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang có tổng chiều dài tuyến khoảng $L=3,2\text{Km}$. Điểm đầu Km0+00 giao với ĐT.295 tại lý trình Km12+545 thuộc xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang; điểm cuối Km3+195,87 giao QL.37 tại Km40+324, thuộc xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang. Quy mô đầu tư theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054:2005) với chiều rộng nền đường $B_{\text{nền}}=12,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_{\text{mặt}}=11,0\text{m}$ (bao gồm cả lề gia cố hai bên $B_{\text{lềgc}}=2 \times 2,0\text{m}=4,0\text{m}$); chiều rộng lề đường $B_{\text{lề}}=2 \times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$. Riêng đoạn từ Km0+00 - Km0+600 đầu tư theo mặt cắt ngang lòng đường theo quy hoạch xây dựng khu trung tâm xã Tân Hưng đã phê duyệt với chiều rộng nền đường $B_{\text{nền}}=25,0\text{m}$, chiều rộng mặt đường $B_{\text{mặt}}=2 \times 11,0\text{m}=22,0\text{m}$, dải phân cách rộng 2m, $B_{\text{lề đất}}=2 \times 0,5=1,0\text{m}$ (không đầu tư phân hệ đường). Đầu tư hoàn chỉnh nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa trên lớp móng cấp phối đá dăm.

4.2.2. Giải pháp thiết kế

a. Thiết kế bình đồ: Bình đồ tuyến được thiết kế mới hoàn toàn, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo cấp kỹ thuật của tuyến đường, giảm khối lượng đào đắp và hạn chế giải phóng mặt bằng. Tuyến bắt đầu từ điểm giao với ĐT.295 tại Km12+545 thuộc xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang; đoạn từ Km0+00 đến Km0+600, tuyến tuân thủ theo quy hoạch khu dân cư trung tâm xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang (tỷ lệ 1/500) được phê duyệt tại Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND huyện Lạng Giang; từ Km0+600 tuyến đi mới qua khu ruộng và khu dân cư rải rác, tuyến đi tiếp qua khu đồi thấp và các khu ruộng xen kẽ; điểm cuối tuyến Km3+195,87 giao với QL.37 tại Km40+324, thuộc xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang.

b. Thiết kế trắc dọc: Tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, các quy trình quy phạm hiện hành, kết hợp hài hòa với các yếu tố bình diện, đảm bảo êm thuận;

giảm thiểu khối lượng giải phóng mặt bằng, khối lượng đào đắp nền đường. Cao độ đường đò đảm bảo yêu cầu phù hợp điều kiện địa hình và cao độ các điểm giao cắt với hệ thống đường giao thông của khu vực. Các điểm khống chế cao độ gồm cao độ ĐT.295 đầu tuyến, cao độ quy hoạch khu dân cư trung tâm xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang và cao độ QL.37 cuối tuyến.

c. *Thiết kế trắc ngang*: Thiết kế mặt cắt ngang theo quy mô đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054:2005) với chiều rộng nền đường $B_{nền}=12,0m$; chiều rộng mặt đường $B_{mặt}=11,0m$ (bao gồm lề gia cố hai bên $2 \times 2,0m=4,0m$); chiều rộng lề đường $B_{lề}=2 \times 0,5m=1,0m$. Đoạn từ Km0+00 đến Km0+600 đầu tư phân kỳ với quy mô mặt cắt ngang phù hợp với Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư trung tâm xã Tân Hưng với chiều rộng nền đường $B_{nền}=25,0m$; chiều rộng mặt đường $B_{mặt}=2 \times 11,0=22,0m$; dải phân cách $B_{dpc}=2,0m$; chiều rộng lề đường $B_{lề}=2 \times 0,5m=1,0m$.

Độ dốc ngang mặt đường và lề gia cố $i=2\%$; độ dốc ngang lề đất $i=6\%$; mái taluy nền đắp 1/1,5, nền đào 1/1,0.

d. *Thiết kế nền đường*: Nền đường được đắp bằng vật liệu đất cấp phối đòi đảm bảo yêu cầu kỹ thuật. Đối với nền đường đắp: Trước khi đắp nền thực hiện đánh cấp, đào bỏ lớp đất không thích hợp với chiều dày trung bình 30-50cm; đất đắp nền được lu lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 95\%$, riêng lớp đất đắp dày 50cm sát kết cấu áo đường đảm bảo độ chặt $K \geq 98\%$. Đối với nền đường đào: Tiến hành đào nền, đào khuôn đường đến cao trình thiết kế; lu lèn đảm bảo lớp đất nền dày 30cm dưới kết cấu áo đường đạt độ chặt $K \geq 98\%$ với giải pháp xáo xới lu lèn hoặc thay bằng lớp vật liệu đủ tiêu chuẩn (nếu đất nền không bảo đảm).

e. *Thiết kế mặt đường, lề gia cố*: Thiết kế kết cấu áo đường mềm cấp cao A1 (TCCS 38:2022/TCĐBVN) mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 140$ Mpa. Kết cấu mặt đường, lề gia cố gồm các lớp từ trên xuống dưới như sau:

+ Kết cấu mặt đường làm mới: Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 5cm; tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn $0,5kg/m^2$; lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn $1,0kg/m^2$; lớp móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại II dày 30cm.

+ Kết cấu mặt đường tăng cường trong nút giao: Lớp bê tông nhựa C12,5 dày 5cm; tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn $0,5kg/m^2$; bù vênh bằng bê tông nhựa C12,5.

+ Kết cấu mặt đường giao dân sinh là đường BTN hoặc BTXM: Lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm, bù vênh bằng bê tông nhựa; tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn $0,5kg/m^2$.

+ Kết cấu mặt đường giao dân sinh là đường đất, đường cấp phối hoặc láng nhựa: Lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn $1,0kg/m^2$; lớp móng cấp phối đá dăm loại I, chiều dày 15cm.

f. *Thiết kế hệ thống thoát nước*:

- Thoát nước dọc: Tại các vị trí nền đường đào, đắp thấp thiết kế rãnh dọc hình thang (0,4x0,4x0,4)m. Đối với các đoạn rãnh dọc bằng đất có độ dốc dọc thiết kế lớn hơn 3% được thiết kế gia cố bằng BTXM M150 đổ tại chỗ. Tại các vị trí lồi vào nhà dân thiết kế tấm bản BTCT đặt trên thành rãnh; đoạn hoàn trả mương đất các lồi ra vào nhà dân thiết kế công tròn BTCT đúc sẵn lắp ghép tiết diện D=60cm đặt trên đế công BTCT đúc sẵn. Đoạn từ Km0-Km0+600 thiết kế hệ thống thoát nước thủy lợi nằm giữa dải phân cách theo quy hoạch bằng công tròn BTCT đúc sẵn lắp ghép tiết diện D=125cm đặt trên đế công BTCT đúc sẵn, hố ga BTCT M250 đổ tại chỗ, tấm dầy hố ga bằng Composite.

- Thoát nước ngang: Thiết kế các công thoát nước ngang đảm bảo tiêu thoát nước khu vực và thủy lợi, tải trọng thiết kế HL93, kết cấu như sau:

+ Công tròn: Sử dụng ống công BTCT M300 đúc sẵn lắp ghép đặt trên đế công BTCT đúc sẵn; tường đầu, tường cánh, gia cố thượng lưu, hạ lưu bằng BTXM M200 đổ tại chỗ trên lớp đá dăm dầy 10cm.

+ Công hộp lắp ghép: Thân công bằng BTCT M300 đặt trên khối móng công bằng BTCT M200 đổ tại chỗ dầy 10cm, lớp dầy đá dăm dầy 10cm; tường đầu, tường cánh, hố thu, gia cố thượng lưu, hạ lưu bằng BTXM M200 đổ tại chỗ trên lớp đá dăm dầy 10cm.

+ Công hộp BxH=3x(3,5x2,5)m qua kênh Yên Lại thiết kế đổ tại chỗ: Thân công và tường đầu bằng BTCT M300 trên khối móng công bằng BTXM M150 đổ tại chỗ dầy 10cm, lớp đá dăm dầy 15cm; sân công, tường cánh công, móng tường cánh bằng BTCT M300 trên khối móng công bằng BTXM M150 đổ tại chỗ dầy 10cm, lớp đá dăm dầy 15cm; ốp mái taluy gia cố bờ kênh hai phía đầu công bằng BTXM M150 kết hợp lưới thép B40 trên lớp nilông lót, chân khay bằng BTXM M150 trên lớp đá dăm dầy 10cm.

- Hoàn trả kênh mương thủy lợi: Một số kênh mương thủy lợi nằm trong phạm vi xây dựng tuyến đường sẽ được thiết kế hoàn trả theo hiện trạng. Các đường ngang ảnh hưởng đến thủy lợi được thiết kế công thoát nước đảm bảo yêu cầu phục vụ thủy lợi.

g. Thiết kế nút giao, đường giao: Trên tuyến thiết kế 02 nút giao cắt với ĐT.295 tại Km12+545 và QL.37 tại Km40+324. Các nút giao trên tuyến thiết kế giao cùng mức; bố trí hệ thống an toàn giao thông, sơn vạch kẻ đường, gờ giảm tốc, biển báo, đèn cảnh báo giao thông... Tại các vị trí đường giao thiết kế vượt nổi đảm bảo giao thông êm thuận.

h. Hệ thống đèn tín hiệu giao thông: Thiết kế mới hệ thống đèn tín hiệu giao thông tại 02 nút giao chính. Cột đèn tín hiệu giao thông sử dụng cột đa giác 8 cạnh, mạ kẽm nhúng nóng chiều cao H= 6,2m, tay vươn 4,0m; lắp đặt đèn LED; sử dụng pin năng lượng mặt trời cấp điện cho hệ thống. Móng cột sử dụng móng bê tông không cốt thép M200 đổ tại chỗ kèm khung móng.

i. An toàn giao thông: Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; biển báo được bố trí tại các điểm giao cắt, biển được làm bằng tôn có phản quang, cột biển báo làm bằng thép tròn, vạch phản quang, tôn hộ lan.

k. Các nội dung chi tiết khác: Theo Hồ sơ lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết quả thẩm định của Sở Giao thông vận tải.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, khảo sát xây dựng:

Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng công trình giao thông 2.

6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất

- Địa điểm xây dựng: Huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 11,3ha.

7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế

- Loại, nhóm dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ, nhóm B.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp II.

- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: 10 năm đối với mặt đường BTN (mặt đường cấp cao A1 – TCCS 38:2022/TCĐBVN).

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng:

- Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát TCCS 31 : 2020/TCĐBVN;

- Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu TCCS 41:2022/TCĐBVN;

- Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế TCCS 38:2022/TCĐBVN;

- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054:2005;

- Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế TCXDVN 104:2007;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016;

- Tiêu chuẩn thiết kế cống TCVN 9113:2012; 9116:2012;

- Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737:1995;

- Công tác đất - quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4447:2012;

- Nền đường ô tô - thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012;

- Lớp móng CPĐD trong kết cấu áo đường ô tô - vật liệu, thi công và nghiệm thu TCVN 8859:2011;

- Mặt đường bê tông nhựa nóng - yêu cầu thi công và nghiệm thu TCVN 13567-1:2022;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT;

- Một số các tiêu chuẩn khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư: 126.574.953.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu tỷ, năm trăm bảy mươi tư triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 38.119.855.000 đồng;
- Chi phí xây dựng: 63.998.402.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 1.284.041.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 4.693.697.000 đồng;
- Chi phí khác: 3.803.412.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 14.675.546.000 đồng;

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2025.

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang thực hiện quản lý dự án.

13. Các nội dung khác: Theo Báo cáo thẩm định số 1793/SGTVT-QLCL ngày 14/11/2022 của Sở Giao thông vận tải và Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định.

Điều 2. Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang; Giám đốc Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTTH, KTN;
 - + Lưu: VT, KTN^{Hiệu}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích